| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 22 - 5 - 2018
Vv: " xin ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Ông Phạm Tiến Dũng
*Các thẩm phán:* Bà Mai Thị Minh Hồng
Ông Vũ Hà Nam

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Trần Mạnh Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2017/TLPT- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về: "Xin ly hôn". Do Bản án sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/ QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hoài Th - Sinh năm 1985
Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ: Số nhà 77, Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người kháng cáo: Anh Lê Thanh T - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa anh T, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hoài Th trình bày: Chị và anh Lê Thanh T kết hôn tháng 9 năm 2007. Trên cơ sở tự nguyện và đã được đăng ký tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống nhiều bất đồng không hòa hợp nhiều lần chị đã cố gắng để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng thì càng thêm mâu thuẫn vì vậy vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể đoàn tụ để chung sống với nhau được nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Khánh L - sinh ngày 24 tháng 10 năm 2008; Lê Hà L1 - sinh ngày 13 tháng 11 năm 2015. Hiện nay cháu lớn đang ở với bố, cháu nhỏ đang ở với chị. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu nhỏ.

Về tài sản chung, khoản nợ, công sức lao động: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bà Vũ Thị N (mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh T và chị Th có được đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng với gia đình bà, cuộc sống vợ chồng cũng hay xảy ra mâu thuẫn, có lần mâu thuẫn căng thẳng anh T đã làm đơn xin ly hôn gửi lên Tòa án, sau được bà khuyên bảo anh chị cùng về chung sống nhưng không được hạnh phúc,

Vừa qua bà có nhận được các tài liệu của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh về việc chị Th có đơn xin ly hôn anh T, bà cũng đã thông báo cho anh T biết. Cuộc sống chung của vợ chồng anh T – chị Th thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tài sản, khoản nợ chung gì. Nay việc chị Th có yêu cầu xin ly hôn anh T, bà không quyết định được mà bà cũng chỉ xác định anh T, chị Th đã mâu thuẫn và sống ly thân cách đây 2 năm.

Tại phiên tòa: Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày bổ sung gì thêm.

Từ nội dung trên bản án sơ thẩm dân sự số: 16/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Hoài Th và anh Lê Thanh T.

2. Con chung: Giao cho chị Bùi Thị Hoài Th có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung là Lê Khánh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Lê Hà L1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2015; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn.

Ngày 26/02/2018 anh Lê Thanh T có đơn xin kháng cáo xin được nuôi cháu Lê Khánh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Cháu Khánh L từ bé đã ở với anh, bản thân anh có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy cháu một cách tốt nhất, cháu Khánh L có nguyện vọng được ở với bố. Anh đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi cháu Khánh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ anh T có đủ cơ sở, điều kiện để nuôi dạy cháu Lê Khánh L phát triển tốt nên kháng cáo xin thay đổi quyền nuôi con của anh T được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 sửa một phần bản án sơ thẩm: Giao cháu Lê Khánh L, sinh ngày 24/10/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Hoài Th và anh Lê Thanh T kết hôn với nhau vào tháng 9 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung vợ chồng sinh được 02 con chung, cũng đã sảy ra mâu thuẫn, chị Th cũng đã cố gắng níu kéo để vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2016 mâu thuẫn căng thẳng hơn, chị Th đã bỏ về bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

[2] Sau khi chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Th cho anh T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên hòa giải cho anh T nhưng anh T không có mặt. Sau đó Tòa án đã gửi thông báo, yêu cầu thân nhân tống đạt thông báo phiên hòa giải, yêu cầu xuất trình chứng cứ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Do việc anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai để trình bày yêu cầu, quan điểm của mình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Khánh L cấp sơ thẩm đã giao cho chị Th nuôi cả hai cháu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Anh T làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét. Xét các tài liệu, chứng cứ anh T nộp như: Đơn đề nghị của cháu Lê Khánh L, giấy xác nhận của trường tiểu học T – huyện T, đơn xác nhận của UBND xã P, hợp đồng lao động và giấy xác nhận thu nhập của Công ty TNHH MTV CHẾ BIẾN TP-XK NGHĨA THÀNH thì thấy anh T có đủ điều kiện để nuôi cháu Khánh L. Đây là tình tiết chứng cứ mới, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con.

Kháng cáo của anh T được chấp nhận nên anh T không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Hoài Th và anh Lê Thanh T.

2. Con chung: Giao cho chị Bùi Thị Hoài Th có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Lê Hà L1 - sinh ngày 13 tháng 11 năm 2015; Anh Lê Thanh T có trách nhiệm nuôi dưỡng Lê Khánh L - sinh ngày 24 tháng 10 năm 2008. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Chị Th, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

3. Chị Bùi Thị Hoài Th phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04674 ngày 23/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh biên lai số BB/2012/ 04722 ngày 26/02/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Tiến Dũng**

***Nơi nhận:***
- TAND+ VKSND cấp cao,
- TAND huyện Trực Ninh,
- VKSND tỉnh + huyện Trực Ninh,
- Chi cục thi hành án huyện Trực Ninh,
- UBND xã P,
- UBND thị trấn C, huyện T,
- Phòng GĐKT Toà án tỉnh NĐ,
- Đương sự,
- Hồ sơ vụ án,
- Lưu Toà dân sự.